TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Hoàng Hổ

2. Phạm Duy Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên toà.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2018/TLST-DS, ngày 07 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 04 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn C, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Ấp HVA, xã TYA, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Diệu H, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp HVA, xã TYA, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 26/4/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 11 năm 2018 nguyên đơn ông Võ Văn C (sau đây gọi tắt là ông C) trình bày:

- Về hôn nhân: Ông C và bà H chung sống với nhau như chồng vào năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng

chung sống khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cự cải. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên hai người đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Ông C yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông C và bà H chung sống có được một người con chung tên Võ Minh H1, sinh ngày 30/11/2003, giới tính nam. Hiện nay con đang sống với bà H, khi ly hôn yêu cầu giao con cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông C không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/4/2019 bị đơn bà Trần Diệu H (sau đây gọi tắt là bà H) trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H thống nhất theo lời trình bày của ông C, bà H Đồng ý ly hôn với ông C.

- Về con chung: Đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Minh H1, sinh ngày 30/11/2003, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Đơn xác nhận nơi cư trú (bản gốc); giấy CMND và sổ hộ khẩu của ông C (bản sao); Giấy khai sinh Võ Minh H1 (photo); Bản tự khai của ông C và bà H (bản gốc); Đơn xin xét xử vắng mặt của bà H (bản gốc).

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông C yêu cầu được ly hôn với bà H; Giao con Võ Minh H1 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông C không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu.

Bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố đơn xin xét xử vắng mặt của bà H đề ngày 26/4/2019. Nội dung: Xin Tòa án xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Công bố bản tự khai của cháu Võ Minh H1 đề ngày 26/4/2019 thể hiện nguyện vọng được sống với mẹ ruột là bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông C và bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, nhưng ông C và bà H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông C và bà H sống với nhau khoảng 10 năm thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau thường xuyên cự cải, dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, hai người cũng đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Ông C yêu cầu ly hôn với bà H, bà H cũng

thống nhất ly hôn, nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Văn C và bà Trần Diệu H.

[2] *Về con chung*: Ông C và bà H có một người con chung tên Võ Minh H1, sinh ngày 30/11/2003, giới tính nam. Hiện nay cháu Hậu đang sống với bà H. Ông C yêu cầu giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không cấp dưỡng nuôi con. Bà H đồng ý theo yêu cầu của ông C. Mặt khác, cháu Hậu đã được 16 tuổi, cháu Hậu có nguyện vọng được sống mẹ ruột. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông C, bà H và nguyện vọng của cháu Hậu giao cháu Hậu cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] *Về tài sản và nợ chung*: Ông C và bà H cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông Võ Văn C phải án chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004365, ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 của BLTTDS năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30.12.2016, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử không công nhận là vợ chồng giữa ông Võ Văn C và bà Trần Diệu H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn C và bà Trần Diệu H giao con tên Võ Minh H1, sinh ngày 30/11/2003, giới tính nam cho bà Trần Diệu H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Võ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Võ Văn C phải án chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ

theo biên lai thu số 0004365, ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản ản được niêm yết tại nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận
- *Tòa án ND tỉnh KG;*
- *VKS ND huyện UMT;*
- *Chi cục THA huyện UMT;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Tịnh